TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày: 15-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiển
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN TÍNH T., tên gọi khác: Đ.; sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Đường B, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T. và bà Nguyễn Thị Kim T. (đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Thúy H. (đã ly hôn) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2021.

(Bị cáo T. có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim H., sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường P, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 09 năm 2012, bị cáo Nguyễn Tính T. về nhà vợ tại ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An chơi thì thấy có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 566864, tờ bản đồ số 05, diện tích 468m^2 do Chủ tịch UBND huyện C cấp

cho bà Trần Thị T. (bà nội của vợ T.) ngày 30/6/2003, để trên nóc tủ lạnh nên bị cáo T. đã cầm về Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo đã liên hệ với bị hại bà Nguyễn Thị Kim H. (dì ruột của bị cáo) và lừa bà H. là gia đình bên vợ của bị cáo muốn bán một mảnh đất tại huyện C, tỉnh Long An với giá 180.000.000 đồng, nhưng chỉ cần đưa trước 150.000.000 đồng để đặt cọc. Để tạo lòng tin với bà H., bị cáo đã sử dụng điện thoại của vợ là chị Nguyễn Thị Thúy H. nhắn tin cho bà H., đồng thời nhờ một người bán nước trên đường J giả làm ông Nguyễn Văn H. (bố vợ T.) gọi điện cho bà H. cùng với nội dung gia đình đang cần bán lại mảnh đất trên. Sau đó, bị cáo đến tiệm khắc dấu trên đường J làm 01 con dấu có khắc dòng chữ "Chứng thực bản sao đúng với bản chính, Chủ tịch UBND xã L" và 01 dấu tên Trương Thị Ngọc G., sau đó bị cáo T. nhờ quán khắc dấu soạn thảo 01 bản hợp đồng đặt cọc mua bán nhà - đất và nhờ người tại quán bán nước giả mạo chữ kí của chủ sở hữu đất là bà Trần Thị T., chữ kí của con ruột bà T. là ông Nguyễn Văn H., riêng bị cáo T. tự ký vào chữ ký của Trương Thị Ngọc G. Đến ngày 21/9/2012, bị cáo T. đến gặp bà H. tại đường S, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo T. đưa ra 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 566864 và 01 hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất cho bà H. xem, bà H. tin tưởng nên đã kí vào hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất và giao cho bị cáo số tiền 150.000.000 đồng. Sau một khoảng thời gian không thấy bị cáo làm thủ tục sang tên đổi chủ đối với mảnh đất nên khoảng tháng 1 năm 2013, bà H. tìm hiểu thì biết gia đình bên vợ của bị cáo không bán mảnh đất trên, biết mình bị lừa đảo nên chị H. đã đến Công an Quận 3 trình báo sự việc *(bút lục số 36 -43; 52 - 54; 56 - 59);*

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với bị cáo Nguyễn Tính T. về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do bị cáo Nguyễn Tính T. bỏ trốn nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, bị can và Quyết định truy nã. Đến ngày 06/10/2021, bị cáo Nguyễn Tính T. bị Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bắt theo quyết định truy nã và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 ra quyết định phục hồi điều tra vụ án tiến hành điều tra xử lý theo quy định *(bút lục số 16,17,22,23).*

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Nguyễn Tính T. thành khẩn khai nhận toàn bộ sự việc phạm tội như đã nêu trên.

- Tại bản Kết luận giám định số 766/KLGĐ-TT ngày 30/7/2013 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận: Chữ viết phần nội dung cần giám định trên tài liệu ký hiệu A (đã nêu ở mục 2.1) với chữ viết của Nguyễn Tính T. dùng làm mẫu so sánh trên hai tài liệu ký hiệu M1, M2 (đã nêu ở mục 2.2) là không do cùng một người viết ra *(bút lục số 94, 96).*

- Tại bản Kết luận giám định số 200/KLGĐ-TT ngày 27/01/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận:

+ Chữ viết nội dung trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC MUA BÁN NHÀ - ĐẤT" (tài liệu cần giám định ký hiệu A - đã nêu ở mục 2.1) không giống với chữ viết của Nguyễn Văn H., Nguyễn Thị Thúy H., Nguyễn Thị Kim H. trên 03 (ba) tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M3, M5 - đã nêu ở mục 2.2);

+ Chữ ký và chữ viết họ tên "Ng Thị Kim H." trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC MUA BÁN NHÀ - ĐẤT" (tài liệu cần giám định ký hiệu A - đã nêu ở mục 2.1) so với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị Kim H. trên 02 (hai) tài liệu mẫu (ký hiệu M5 , M6 - đã nêu ở mục 2.2) do cùng một người ký và viết ra.

+ Chữ ký và chữ viết họ tên "Nguyễn Văn H." trên "HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC MUA BÁN NHÀ - ĐẤT" (tài liệu cần giám định ký hiệu A - đã nêu ở mục 2.1) không giống với chữ ký và chữ viết của Nguyễn Văn H., Nguyễn Thị Thúy H., Nguyễn Thị Kim H. trên 06 (sáu) tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6 - đã nêu ở mục 2.2) *(bút lục số 95, 97)*

- Tại bản Kết luận giám định số 201/KLGĐ-TT ngày 13/02/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 566864 đứng tên Trần Thị T., cấp ngày 30/6/2003, ký hiệu A (đã nêu ở mục 2.1) là giấy chứng nhận thật *(bút lục số 93, 98)*.

Vật chứng của vụ án:

- 01 hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất có chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim H. (lưu trong hồ sơ vụ án, bút lục số 72, 73);

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 566864. Đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T..

Về trách nhiệm dân sự: Năm 2019, gia đình Nguyễn Tính T. đã thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim H. nên bà không yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS-HS ngày 14 tháng 01 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Nguyễn Tính T. về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Tính T. có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy ân hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm làm lại cuộc đời.

Bị hại bà Nguyễn Thị Kim H. không yêu cầu bồi thường thêm và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tính T. về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Tính T. từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng tháng 9/2012, bị cáo Nguyễn Tính T. đã nói dối với bị hại là Nguyễn Thị Kim H. (dì ruột của bị cáo) gia đình vợ của bị cáo muốn bán mảnh đất diện tích 468m2 tại xã L, huyện C, tỉnh Long An do bà Trần Thị T. (bà ngoại vợ của bị cáo) đứng tên với giá 180.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra, để lấy lòng tin của bà H., bị cáo T. đã dùng điện thoại của vợ bị cáo là Nguyễn Thị Thúy H. nhắn tin bán đất với bà H. và nhờ người đàn ông bán nước (không rõ lai lịch) đóng giả ông Nguyễn Văn H. (cha vợ của bị cáo) gọi điện thoại cho bà H. nói chuyện gia đình muốn bán đất. Sau đó bị cáo T. làm giả một tờ giấy đặt cọc có chữ ký của bà Trần Thị T., ông Nguyễn Văn H. (chữ ký do bị cáo nhờ người đàn ông ở tiệm nước ký giùm) và có con dấu chữ chứng thực chữ ký và chữ ký của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L. Ngày 21/9/2012, tại địa chỉ: đường S, Phường M, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo T. đã đưa tờ hợp đồng đặt cọc nêu trên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất X 566864 , tờ bản đồ số 05, diện tích 468m^2 do Chủ tịch UBND huyện C cấp cho bà Trần Thị T. vào ngày 30/6/2003 (Giấy chứng nhận do bị cáo lấy ở nhà của ba vợ của bị cáo là ông Nguyễn Văn H.) cho bà H. để nhận số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) đặt cọc từ bà H. Sau đó nhiều lần bà H. yêu cầu bị cáo làm thủ tục sang tên nhưng không được nên bà H. tố cáo bị cáo đến cơ quan Công an.

[3] Bị cáo T. có năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên có lỗi cố ý.

[4] Hành vi của bị cáo T. đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

[5] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T. đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Tính T. phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T. thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã nhờ gia đình đại diện bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng nên bị hại đã có đơn bãi nại và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b-p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T..

[7] Đối với việc bị cáo T. sử dụng con dấu có ghi "Chứng thực bản sao đúng với bản chính, Chủ tịch UBND xã L" và 01 dấu tên Trương Thị Ngọc G. (thực tế xác minh tại UBND xã L không có ai tên Trương Thị Ngọc G.). Do đây không phải là con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nên không xử lý về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ.

Đối với các đối tượng làm giả dấu chứng thực của UBND xã L, đóng giả ông Nguyễn Văn H., ký giả chữ ký của bà Trần Thị T., ông Nguyễn Văn H., do không có căn cứ để xác định lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục truy xét để xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Xét bị hại bà Nguyễn Thị Kim H. xác định bà đã nhận được bồi thường số tiền 20.000.000 đồng từ gia đình bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm do đó Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về vật chứng:

- 01 hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất có chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim H. (đã lưu trong hồ sơ vụ án, bút lục số 72, 73);

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 566864 đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T.

[10] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tính T. phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 45, điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b-p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tính T. phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tính T. 04 (bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 06/10/2021.

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Tính T. phải chịu là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng);

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**